

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 12 năm 2022
“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Đình Long.

2/ Ông Y Míp Niê.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ 5, TDP 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

Hiện trú tại: 121 H, Phường T, TP B, Đ.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 5, TDP 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tháng 7/2007 chị và anh Đỗ Văn T cưới nhau trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian thì đến năm 2020 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình hai người không hợp nhau, không chung sống hòa thuận, đến đầu tháng 10/2022 chị và chồng ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là cháu Đỗ Trần Mỹ D, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Đỗ Trần Mỹ C, sinh ngày 06/12/2010.

Chị đồng ý giao cả 02 con chung cho anh T nuôi, không trợ cấp nuôi con cho anh T nhưng chị vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Tháng 7/2007 anh và chị Trần Thị H cưới nhau trên tinh thần tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian thì đến năm 2020 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình vợ thay đổi, không chung sống hòa thuận nhau. Cho đến đầu tháng 10/2022 chị H tự ý bỏ nhà đi nên hiện nay anh cũng không biết chị H đang ở đâu nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn thương yêu vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Đỗ Trần Mỹ D, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Đỗ Trần Mỹ C, sinh ngày 06/12/2010.

Nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị H trợ cấp nuôi con, chị Hương có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng nhận định về các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H; Giao 02 con chung tên là cháu Đỗ Trần Mỹ D, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Đỗ Trần Mỹ C, sinh ngày 06/12/2010 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 07/7/2007 của UBND thị trấn K, thì xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Văn T và chị Trần Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do tính tình hai người không hợp nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 10/2022 đến nay hai người đã sống ly thân.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07/12/2022 tại địa phương nơi chị H và anh T sinh sống xác nhận không nắm được lý do mâu thuẫn của hai vợ chồng, tuy nhiên hiện nay vợ chồng chị H đã ly thân với nhau, không chung sống cùng nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng xác nhận hiện nay vợ chồng anh T đã ly thân với nhau.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H ly hôn với anh T.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh T, chị H có 02 con chung là cháu Đỗ Trần Mỹ D, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Đỗ Trần Mỹ C, sinh ngày 06/12/2010. Hiện nay cả hai con đang ở với anh T. Quá trình giải quyết chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh T nuôi và anh T cũng đồng ý.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng về nội dung vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Trần Mỹ D, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Đỗ Trần Mỹ C, sinh ngày 06/12/2010 cho anh Đỗ Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị H không phải trợ cấp nuôi con chung cho anh Đỗ Văn T.

Không ai có quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (do ông Mai Quốc Á đã nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021997 ngày 02 tháng 11 năm 2022. Chị Trần Thị H đã nộp đủ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang